| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2019/HSST

Ngày 27/5//2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Kiểm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Tâm
2. Ông Phạm Đức Tuế.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Hoá, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Hoá, tỉnh Thái Nguyên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/ TLST- HS ngày 05 tháng 4 năm 2019, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 14 /2019/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tùng D** (Không có tên gọi khác ), sinh ngày 16/4/1988 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm TT, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; không theo tôn giáo nào; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Ma Thị H; vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không có; Tiền án: có 03 tiền án:

+ Bản án số 11/2010/HSST ngày 28/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án số 53/2012/HSST ngày 27/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án số 14/2013/HSST ngày 02/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 48 tháng tù về tội " Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt 34 tháng, 18 ngày tù của Bản án số 53/2012/HSST ngày 27/11/2012 của Tòa án nhân dân Đ, tỉnh Thái Nguyên, hình phạt chung cho cả hai bản án là 82 tháng 18 ngày tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thành L** (Không có tên gọi khác), sinh ngày 23/8/1995 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:Tiểu khu CTL, thị trấn Đ1, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện tại ( nơi thường xuyên làm ăn, sinh sống ): Xóm BG, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; không theo tôn giáo nào; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị T; vợ Lê Thị D; có 01 con, sinh năn 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

3. Họ và tên: **Phạm Văn Ch** (Không có tên gọi khác), sinh ngày 15/9/1977 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm NC, xã LT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không theo tôn giáo nào; con ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị Th; vợ Hoàng Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

+ Bản án số 11/HSST ngày 09/8/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản". Bản số 147/HSP ngày 10/9/2001 của Tóa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm Bản án số 11/HSST, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/HSST ngày 09/8/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

+ Bản án số 09/HSST ngày 17/7/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản".

+ Bản án số 23/HSST ngày 06/12/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản".

+ Bản án số 18/HSST ngày 10/10/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 206/HSPT ngày 16/11/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử Bản án sơ thẩm số 18/HSST, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/HSST ngày 10/10/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

+ Bản án số 11/2007/HSST ngày 24/4/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2018 đến ngày 01/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo Lĩnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ và tên: **Cao Văn Đ** (Không có tên gọi khác), sinh ngày 20/11/ 1982 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm SV 2, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; không theo tôn giáo nào; con ông Cao Văn M và bà Ma Thị Ng; vợ: Ma Thị S; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/01/2019 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

1) Ông Ma Quang Th, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Xóm ND, xã ĐB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2) Anh Hoàng Tuấn V, sinh ngày 19/8/2001. Địa chỉ: Xóm ĐC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật và là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Tuấn V: Chị Phạm Thị Th, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Xóm ĐC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

( chị Th và anh V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ).

3) Chị Ma Thị Th, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Xóm SV 2, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Anh Cao Văn T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Xóm BC, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2) Ông Hoàng S, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Xóm ĐC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3) Chị Ma Thị D, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Xóm ND, xã ĐB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Ma Thị D ủy quyền cho ông Ma Quang Th, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Xóm ND, xã ĐB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1) Ông Lường Phúc T, sinh năm: 1950. Địa chỉ: Thôn YT, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2) Ông Ma Quang T, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Thôn TD, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Văng mặt.

3) Anh Ma Văn Q, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Xóm SV 2, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4) Chị Lê Thanh H, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Xóm VN, xã BN, huyện Đ, tỉnh

Thái Nguyên. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/12/ 2018, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch và Nguyễn Tùng D (có mối quan hệ quen biết nhau từ trước) gặp nhau cùng bàn bạc thống nhất cùng nhau đi đến các xã trên địa bàn huyện Đ tìm xem ai có sơ hở thì trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 17 giờ ngày 07/12/2018, D điều khiển xe mô tô của Ch chở L và Ch đi đến khu vực xã BY mục đích tìm kiếm xe mô tô để trộm cắp, khi đến khu vực xóm TR, xã BY, quan sát thấy có một gia đình đang tổ chức đám cưới, cách gia đình tổ chức đám cưới 01 nhà là gia đình ông Ma Quang T, sinh năm 1966, thuộc thôn TR, xã BY, huyện Đ có để nhiều xe mô tô tại sân trước không có người trông coi. Cả 3 cùng bàn bạc, thống nhất quay về phòng trọ của L tại xã Bình Yên chờ đến khi trời tối sẽ quay lại để lấy trộm xe mô tô . Đến 18 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô chở L và Ch quay lại khu vực nhà ông T, khi đi đến ngã 3, cách nhà ông T khoảng 200 mét, D bảo L xuống xe đi bộ , còn D điều khiển xe mô tô chở Ch vào sân nhà ông T . Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Future, màu sơn nâu – vàng – đen, BKS 20C1 - 078.55 ( xe của ông Ma Quang Th, sinh năm 1962, trú tại xóm ND, xã ĐB đi ăn cưới và để tại sân nhà ông Tay), D dùng vam chữ T mang theo bẻ được khóa của xe, lúc này L cũng đi bộ đến, D dắt chiếc xe vừa bẻ khóa đưa cho L điều khiển, còn D điều khiển xe mô tô của Ch chở Ch ngồi phía sau cùng về phòng trọ của D tại xã TH. Sau khi về phòng trọ, D và L tháo 02 gương chiếu hậu và BKS của xe mô tô. L gọi điện cho Cao Văn Đ, sinh năm 1982, trú tại thôn SV 2, xã SP, huyện Đ nói "bọn em vừa trộm cắp được 01 xe máy HONDA Future, không có giấy tờ" anh có mua không? Đ đồng ý và hẹn L mang xe xuống khu vực cầu 11, thuộc xã BN, huyện Đ để xem xe. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến khu vực cầu 11, thuộc xã BN, huyện Đ bán cho Đ với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Cao Văn Đ mang xe mô tô vừa mua được về để tại gầm nhà sàn gia đình ông Ma Tử Đ, sinh năm 1966, trú tại xóm SV 1, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (ông Điệp là bố vợ của Đ). Khi biết L đã bán được xe, D và Ch điều khiển xe mô tô của Ch đến đón L về phòng trọ của D. Tại đây, L, D và Ch chia nhau số tiền vừa bán xe mô tô trộm cắp được, mỗi người 450.000 đồng. L đưa cho Lê Thanh H (tên gọi khác: Th) là bạn của D, sinh năm

1996, trú tại xóm VN, xã BN, huyện Đ số tiền 200.000 đồng, số tiền còn lại L mua đồ để cả nhóm cùng nhau ăn uống hết. H không biết số tiền trên là do bán tài sản trộm cắp mà có nên đã nhận và mang đi tiêu xài hết.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Ch điều khiển xe mô tô của Ch chở D và L đến khu vực xóm SV 2, xã SP, huyện Đ. Quan sát thấy trong sân nhà bà Ma Thị Đ, thuộc xóm SV 2, xã SP có dựng 01 xe mô tô mà không có người trông coi. Đó là xe mô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave S, màu sơn đỏ - đen, BKS: 20N1 – 4272 của chị Ma Thị Th, sinh năm 1987, trú tại thôn SV 2, xã SP, huyện Đ gửi tại nhà bà Để. D đưa vam phá khóa hình chữ **T** cho L vào bẻ khóa điện của xe mô tô nhưng không được nên D vào dùng vam bẻ khóa và bẻ được khóa điện. Sau khi bẻ được khóa điện của xe, L điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được, D và Ch điều khiển xe mô tô của Ch đi sau về phòng trọ của D. Về đến phòng trọ của D, L tháo biển kiểm soát của xe rồi gọi điện thoại di động cho Cao Văn Đ để bán xe. Khoảng 00 giờ ngày 08/12/2018, Đ đến phòng trọ của D để xem xe mô tô và mua với giá 1.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, L, D và Ch chia nhau mỗi người 300.000 đồng còn lại dùng để mua đồ ăn uống. Sau khi mua được xe mô tô, Đ đã điều khiển xe đến nhà Cao Viết L, sinh năm 1986, trú tại Thôn 8, xã Phú Tiến, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và gửi tại đó.

Khoảng 10 giờ ngày 08/12/2018, Nguyễn Tùng D và Nguyễn Thành L cùng nhau đi vào khu vực thôn YT, xã BY. Khi đi qua khu vực bãi rác của xã BY, L và D quan sát thấy tại sân nhà ông Lường Phúc T, sinh năm 1950, trú tại xóm Yên Thông, xã Bình Yên, huyện Đ có để nhiều xe mô tô không có người trông coi. Trong đó có xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen, BKS: 20C1 – 111.46 của Hoàng Tuấn V, sinh năm 2001, trú tại xóm ĐC, xã TĐ sử dụng đi học và gửi tại nhà ông Tiện. L đứng ngoài canh gác, D đi bộ vào trong sân nhà ông Tiện dùng vam phá khóa chiếc xe mô tô của Vũ. Sau đó, D dắt xe mô tô ra ngoài đưa cho L điều khiển về phòng trọ của D tại xã TH. Tại phòng trọ của D, L tháo biển số xe và gọi điện cho Cao Văn Đ để bán xe, Đ không mua mà giới thiệu cho Cao Văn T, sinh năm 1975, trú tại xóm Bãi Chè, xã AK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đến 18 giờ ngày 08/12/2018, L và D cùng nhau đến nhà của T để bán xe mô vừa trộm cắp được. Đến nhà T, D đứng ngoài, còn L mang xe mô tô trộm cắp được vào nhà bán cho T. Do không biết là xe do trộm cắp mà có nên T đã mua xe mô tô trên với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán được xe, T và D chia nhau mỗi người 500.000 đồng, còn 500.000 chung nhau tiêu xài hết.

Ngày 10/12/2018, tại trụ sở Công an huyện Đ, Cao Văn Đ tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE, màu sơn nâu – vàng – đen, số khung Y022637, số máy 3E-1022697, không có biển kiểm soát và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ – đen, số khung Y079910, số máy 12E-1632744, không có biển kiểm soát là xe đã mua của L, D và Ch. Ngày 11/12/2018, Cao Văn T tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, số khung Y116071, số máy 52E-1346143, không có biển kiểm soát đã mua của L, D.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐG ngày 11/12/2018; 37, 38/KL- ĐG ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE, màu sơn: nâu – vàng - đen, BKS: 20C1-087.55, số khung Y022637, số máy: 3E-1022697 có giá trị là: 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave s, màu sơn đỏ - đen, BKS: 20N1- 4272, số khung 12E1632744, số máy Y 079910 có giá trị là : 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA , loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen, BKS: 20C1 - 111.46, số khung 52E-1346143, số máy Y 116071 có giá trị là : 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA , loại xe FUTURE, màu sơn: nâu – vàng - đen, số khung Y022637, số máy: 3E-1022697; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave s, màu sơn đỏ - đen, số khung 12E1632744, số máy Y079910; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA , loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen, số khung 52E-1346143, số máy Y 116071 đã trả lại cho bị hại và chủ sở hữu là ông Ma Quang Th, chị Ma Thị Th và Hoàng Tuấn V quản lý, sử dụng. Đối với 01 vam phá khóa hình chữ **T** của Nguyễn Tùng D dùng để trộm cắp xe mô tô, 03 biển kiểm soát và 06 gương xe mô tô của 03 xe mô tô, Nguyễn Tùng D khai đã vứt trên đoạn đường từ xã LT đến khu vực ngã 3 Quán Vuông, xã TH, D không nhớ chính xác địa điểm. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

Xe mô tô của Phạm Văn Ch cùng các đối tượng dùng làm phương tiện khi đi trộm cắp, Ch khai là xe của vợ Ch là Hoàng Thị H mua, xe cũ đã qua sử dụng, cả Ch và vợ đều không nhớ biển kiểm soát, Ch đã bán cho một người không biết tên, tuổi, địa chỉ tại tỉnh Tuyên Quang nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ không có cở sở để xác minh làm rõ và thu giữ.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, số IMEI: 355673074120945 của Cao Văn Đ, Đ dùng liên lạc với L để mua xe, Đ giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Định Hóa.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại những xe mô tô bị mất trộm các bị hại ông Ma Quang Th, chị Ma Thị Th, anh Hoàng Tuấn V và người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền,lợi ích hợp pháp cho Vũ là chị Phạm Thị Th (mẹ đẻ V) cùng ông Hoàng S (ông của V cho V mượn xe), chị Ma Thị D (con ông Th cho ông Th mượn xe) không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Cao Văn T không đề nghị Nguyễn Thành L, Nguyễn Tùng D phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch và Cao Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận của các bị cáo bị phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 04/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, truy tố các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Tùng D, về tội: "Trộm cắp tài sản" quy Đ tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Cao Văn Đ, về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo Cao Văn Đ biết hành vi Tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo xác định việc truy tố tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đối với bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai. Các bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử :

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Cao Văn Đ phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng D từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng : Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 11/12/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng : Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điển g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Ch từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2018 đến ngày 01/02/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng : khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn Đ từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại những xe mô tô bị mất trộm các bị hại ông Ma Quang Th, chị Ma Thị Th, anh Hoàng Tuấn V và người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền,lợi ích hợp pháp cho V là chị Phạm Thị Th (mẹ đẻ V) cùng ông Hoàng S (ông của V cho V mượn xe), chị Ma Thị D (con ông Th cho ông Th mượn xe) không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Cao Văn T không đề nghị Nguyễn Thành L, Nguyễn Tùng D phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung qũy Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, số IMEI: 355673074120945 của Cao Văn Đ, Đ dùng liên lạc với L để mua xe.

Truy thu số tiền 03 triệu đồng các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch bán 02 xe mô tô trộm cắp cho Cao Văn Đ.

Cụ thể: truy thu mỗi bị cáo 01 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Truy thu số tiền 1.500.000 VNĐ các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L bán xe trộm cắp được cho Cao Văn Tuấn để sung quĩ Nhà nước, cụ thể truy mỗi bị cáo 750.000 VNĐ.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Phần tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ không tranh luận, bào chữa.

Các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

1. Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai, các bản tự khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan Điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo D, bị cáo L và bị cáo Ch trộm cắp: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE , màu sơn: nâu – vàng - đen, BKS: 20C1-087.55, số khung Y022637, số máy: 3E-1022697 có giá trị là : 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave s, màu sơn đỏ - đen, BKS: 20N1- 4272, số khung 12E1632744, số máy Y 079910 có giá trị là : 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Bị cáo D và bị cáo L trộm cắp: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA , loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen, BKS: 20C1 - 111.46, số khung 52E-1346143, số máy Y116071 có giá trị là: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Các bị cáo D, L, Chi khai các bị cáo biết hành vi Trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật; Bị cáo Đ khai bị cáo biết tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo tham rẻ, hám lợi nên mua, bị cáo hai lần mua xe mô tô của các bị cáo trộm cắp, hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật. Các bị cáo đều xác Đ các cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử bị cáo về tội về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội, đúng quy Đ của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy Đ tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối bị cáo Nguyễn Tùng D tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có 03 tiền án; tại bản án số 14/2013/ HSST ngày 02/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm nguy hiểm" theo quy Đ tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Nay bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp " Tái phạm nguy hiểm".

Bị cáo Nguyễn Tùng D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy Đ tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

***Điều 173 Bộ luật hình sự quy Đ:***

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:*

....

*g) Tái phạm nguy hiểm".*

Bị cáo Cao Văn Đ phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", quy Đ tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

***Điều 323 của Bộ luật hình sự quy Đ:***

*"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."*

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy Đ của pháp luật.

3. Đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý thực hiện.

- Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ nhân thân xấu, bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động; có trình độ văn hóa, có đủ trình độ nhận thức để điều chỉnh hành vi xử sự của bản thân cho đúng với các qui Đ của pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo cố ý thực hiện.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay sự các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Cao Văn Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui Đ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội 02 lần trở nên"*quy Đ tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4. Về hình phạt Chnh: Căn cứ vào quy Đ của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự đối với bị cáo, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để tập trung cải tạo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

5.Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ đều không có tài sản riêng, bị cáo D chưa có gia đình, vợ, con; bị cáo L, Ch, và bị cáo Đ con còn nhỏ, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

6. Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA , loại xe FUTURE, màu sơn: nâu – vàng - đen, số khung Y022637, số máy: 3E-1022697; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA , loại xe Wave s , màu sơn đỏ - đen, số khung 12E1632744, số máy Y 079910; 01 xe mô tô nhãn hiệu HO NDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen, số khung 52E-1346143, số máy Y 116071 Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bị hại và chủ sở hữu.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, số IMEI: 355673074120945 của Cao Văn Đ, Đ dùng liên lạc với L để mua xe; đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tích thu, sung quĩ Nhà nước.

Truy thu số tiền 03 triệu đồng các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch bán 02 xe mô tô trộm cắp cho Cao Văn Đ.

Cụ thể: truy thu mỗi bị cáo 01 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Truy thu số tiền 1.500.000 VNĐ các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L bán xe trộm cắp được cho Cao Văn Tuấn để sung quĩ Nhà nước, cụ thể truy mỗi bị cáo 750.000 VNĐ.

Đối với 01 vam phá khóa hình chữ **T** của Nguyễn Tùng D dùng để trộm cắp xe mô tô, 03 biển kiểm soát và 06 gương xe mô tô của 03 xe mô tô, Nguyễn Tùng D đã vứt trên đoạn đường từ xã LT đến khu vực ngã 3 Quán Vuông, xã TH, D không nhớ Chnh xác địa điểm. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

7. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại những xe mô tô bị mất trộm các bị hại ông Ma Quang Th, chị Ma Thị Th, anh Hoàng Tuấn V và người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền,lợi ích hợp pháp cho V là chị Phạm Thị Th (mẹ đẻ Vũ) cùng ông Hoàng S (ông của V cho V mượn xe), chị Ma Thị D (con ông Th cho ông Th mượn xe ) không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Cao Văn T không đề nghị Nguyễn Thành L, Nguyễn Tùng D phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét.

8. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Nguyễn Tùng D, Cao Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

9 . Đối với Xe mô tô của Phạm Văn Ch cùng các đối tượng dùng làm phương tiện khi đi trộm cắp, đó là tài sản chung của vợ chồng Ch, Ch khai đã bán cho một người không biết tên, tuổi, địa chỉ tại tỉnh Tuyên Quang nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không có cở sở để xác minh làm rõ và thu giữ.

Lê Thanh Huyền được L cho 200.000 đồng trong tổng số tiền bán xe do trộm cắp mà có, tuy nhiên Huyền không biết xe mô tô là do các bị cáo D, L, Ch

trộm cắp mà có, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự với Huyền.

Cao Văn Tuấn là người mua xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, số khung Y116071, số máy 52E-1346143, không có biển kiểm soát của Nguyễn Tùng D và Nguyễn Thành L nhưng Tuấn không biết xe mô tô trên là do D, L trộm cắp được mà có, vì vậy hành vi của Tuấn không cấu thành tội phạm. Cao Viết L, Ma Tử Đ là những người cho Cao Văn Đ gửi xe mô tô sau khi Đ mua xe của L, D và Ch nhưng đều không hứa hẹn trước và không biết là tài sản trộm cắp nên hành vi không cấu thành tội phạm

10. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng hình phạt Chnh, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và về án phí đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào quy Đ tại điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 298; khoản 2 Điều 136; Điều 326; khoản 1, khoản 3 Điều 329; khoản 1, khoản 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

**Tuyên bố:**

Các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Cao Văn Đ phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng D 48 ( bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/01/2019. Quyết Đ tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án ( ngày 27/5/2019). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 24 ( hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/12/2018. Quyết Đ tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án ( ngày 27/5/ 2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 ; điển g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Ch 18 ( mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2018 đến ngày 01/02/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 ; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn Đ 12 ( mười hai ) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quĩ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, số IMEI: 355673074120945 của Cao Văn Đ.

Truy thu bị cáo Nguyễn Tùng D 1.750.000 VNĐ ( một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Thành L 1.750.000 VNĐ ( một triệu bảy trăm năm mươi nghifng đồng), bị cáo Phạm Văn Ch 1.000.000 VNĐ ( một triệu đồng) để sung quĩ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135,136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Tùng D, Nguyễn Thành L, Phạm Văn Ch, Cao Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- *TAND Tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND huyện Đ Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
- *Công an huyện Đ (2 bản);*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Bị cáo;các đương sự;*
- *THA hình sự*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Kiểm**